TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN H** **TỈNH THANH HÓA**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 35/2022/QĐHG-HNGĐ	*H, ngày 13 tháng 4 năm 2022*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN KẾT QUẢ HÒA GIẢI THÀNH TẠI TÒA ÁN

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN H

Căn cứ các Điều 55, 81, 82 và Điều 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào Điều 32, Điều 33, Điều 34, Điều 35 và Điều 36 của Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án;

Căn cứ Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án ngày 29 tháng 3 năm 2022, về việc các bên thỏa thuận được với nhau về giải quyết toàn bộ vụ việc "Ly hôn, tranh chấp về nuôi con" giữa:

Người khởi kiện: Chị Lò Thị D, sinh năm 2001

Địa chỉ: Bản Poọng 2, xã K, huyện Qu, tỉnh Thanh Hóa

Người bị kiện: Anh Trương Phú Đ, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn Chuế 2, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

Sau khi nghiên cứu Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án cùng tài liệu kèm theo do Hòa giải viên chuyển sang Tòa án theo hồ sơ yêu cầu công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án ngày 29 tháng 3 năm 2022.

XÉT THẤY:

Nội dung thỏa thuận, thống nhất của các bên được ghi trong Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải tại Tòa án đã có đủ điều kiện quy định tại Điều 33 Luật Hòa giải, đối thoại tại Tòa án.

Đã hết thời hạn 15 ngày, kể từ ngày Tòa án nhận được Biên bản ghi nhận kết quả hòa giải và tài liệu kèm theo, không có bên nào ý kiến khác về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án giữa các bên hòa giải:

Người khởi kiện: Chị Lò Thị D, sinh năm 2001

Địa chỉ: Bản Poọng 2, xã K, huyện Qu, tỉnh Thanh Hóa

Người bị kiện: Anh Trương Phú Đ, sinh năm 1999

Địa chỉ: Thôn Chuế 2, xã Y, huyện H, tỉnh Thanh Hóa

2. Công nhận kết quả hòa giải thành tại Tòa án của các bên cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Lò Thị D và anh Trương Phú Đ.

Về con chung: Công nhận anh Trương Phú Đ và chị Lò Thị D có một con chung là cháu Trương Nam Ph, sinh ngày 31/5/2019. Anh Đ và chị D thống nhất giao cháu Trương Nam Ph cho anh Trương Phú Đ trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng, anh Đ không yêu cầu chị D phải cấp dưỡng nuôi con. Chị Lò Thị D có quyền qua lại thăm nom, chăm sóc con chung, không ai được cản trở.

Về tài sản và công nợ: Anh Trương Phú Đ và chị Lò Thị D không yêu cầu giải quyết.

Về lệ phí: Căn cứ Điều 6 Luật hòa giải, đối thoại tại Tòa án số 58/2020/QH14 ngày 16/6/2020 của Quốc hội, đương sự không phải chịu lệ phí.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại điều 2 Luật thi hành án thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc cưỡng chế thi hành án theo quy định tại điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; Thời hiệu thi hành án được quy định tại điều 30 Luật thi hành án dân sự.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật, không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự và được thi hành theo quy định của pháp luật về thi hành án dân sự.

4. Các bên đương sự có quyền đề nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được hoặc biết được quyết định.

5. Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kiến nghị xem xét lại quyết định này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được quyết định của Tòa án.

Nơi nhận:
- Các bên ĐS;
- VKSND h. H;
- Chi cục THADS h. H;
- TAND tỉnh Thanh Hóa;
- UBND xã Y, huyện H;
- Lưu: Hồ sơ vụ việc, TA.

THẨM PHÁN

Lê Thị Ngọc Tú

<u>Hướng dẫn sử dụng mẫu số 01-QĐ:</u>

(1) Ghi tên Tòa án nhân dân cấp tỉnh của tỉnh đó nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp huyện (ví dụ: Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân quận Hải An,

thành phố Hải Phòng thì ghi "TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG"; Ghi "TÒA ÁN NHÂN DÂN TỐI CAO" nếu Tòa án nhân dân ra quyết định là Tòa án nhân dân cấp tỉnh.

(2) Ghi tên Tòa án nhân dân ra quyết định;

(3) Ghi loại tranh chấp, VD: HNGĐ, DS, KDTM…….

(4) Ghi họ tên của Thẩm phán ký quyết định.

(5) Ghi rõ điểm, khoản, điều luật tương ứng của Bộ luật Tố tụng dân sự và pháp luật liên quan để ra quyết định.

(6) Ghi quan hệ tranh chấp mà người khởi kiện đề nghị giải quyết.

(7) (8) Ghi đầy đủ tên, năm sinh, nơi cư trú của các bên đương sự.

(9) Nếu là cá nhân thì ghi họ tên, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc; nếu là cơ quan, tổ chức thì ghi tên, địa chỉ của cơ quan, tổ chức. Cần lưu ý đối với cá nhân, thì tùy theo độ tuổi mà ghi Ông hoặc Bà, Anh hoặc Chị trước khi ghi họ tên.

(10) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các bên về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ việc đã được thể hiện trong biên bản ghi nhận kết quả hoà giải thành tại Tòa án.